

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-9-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
2. Bà Trần Thị Quế Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 185/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hà Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hà Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: ông và bà Thị L kết hôn năm 2014, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 13/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Thị L tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ đó đến nay, vợ chồng ông sống ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Hiện nay ông không còn tình cảm với bà Thị L nên yêu

cầu được ly hôn với bà Thị L.

- Về con chung: có một con chung tên Hà Tấn T, sinh ngày 07/10/2015, hiện cháu T đang do bà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu được nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có

\* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Thị L nhưng bà đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại phiên tòa:

- Ông Hà Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện.

- Bà Thị L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân ông Hà Văn T được quyền ly bà Thị L, bà Thị L được tiếp tục nuôi con chung, ông Hà Văn T không phải cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa ông Hà Văn T và bà Thị L là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

*1.2 Thẩm quyền giải quyết:* Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 25/8/2022 của Công an xã H, huyện C, tỉnh An Giang xác định bà Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của đương sự:* nguyên đơn ông Hà Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Thị L đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* ông Hà Văn T và bà Thị L kết hôn năm 2016, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 13/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông Hà Văn T và bà Thị L được đoàn tụ, nhưng ông Hà Văn T cương quyết ly hôn, bà Thị L đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ bà Thị L cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với ông Hà Văn T. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hà Văn T.

*2.2 Về con chung:* ông Hà Văn T và bà Thị L có một con chung tên Hà Tấn T, sinh ngày 07/10/2015, hiện cháu T đang do bà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hà Văn T không có yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu Hà Tấn T còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Hà Tấn T cho bà Thị L tiếp tục nuôi dưỡng.

*2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung:* bà Thị L không có văn bản yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Hà Văn T.

*2.4 Về tài sản chung:* không có

*2.5 Về nợ chung:* không có.

*[3] Về án phí sơ thẩm:* ông Hà Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*[4] Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T.

*1. Về hôn nhân:* ông Hà Văn T được ly hôn bà Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 13/6/2016 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

*2. Về con chung:* bà Thị L được quyền nuôi con chung tên Hà Tấn T, sinh ngày 07/10/2015.

Ông Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm:* ông Hà Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002984 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo:* ông Hà Văn T và bà Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Phúc**